

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HC-PT

Ngày 09 – 5 – 2018

V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại và giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Bình

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công Kh vụ án hành chính thụ lý số: 488/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2017 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2018/QĐPT-HC ngày 04/01/2018; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Tạ Long V, sinh năm 1959 – Đại diện Họ tộc họ Tạ; cư trú tại: Số 205, MQT, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tạ Long V: Ông Nguyễn Phú Kh, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 337, QL 80, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; *(xin vắng mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Thanh S – Phó Trưởng ban tiếp công dân tỉnh Đồng Tháp; cư trú tại địa chỉ: Số 50A, VTT, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Th – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT, *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT (được ủy quyền theo văn bản số 1064/GĐN-UBND ngày 04/4/2017): Ông Lê Văn Nghiệp – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT; cùng cư trú tại: Số 161, QL 80, khóm PM, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT: Ông Nguyễn Kim L – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT; cư trú tại: Số 161, QL 80, khóm PM, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1931, *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2017): Ông Võ Văn C, sinh năm 1972; cùng cư trú tại: Tổ 13, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

2. Ông NLQ2, sinh năm 1951 và bà NLQ3, sinh năm 1958; cùng cư trú tại: Số 6, Tổ 1, ấp PH, xã PH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; *(vắng mặt).*

3. Ông NLQ4, sinh năm 1973, *(vắng mặt).*

4. Bà NLQ5, sinh năm 1964, *(vắng mặt).*

Cùng cư trú tại: Tổ 12, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Tạ Long V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2016, Tò trình ngày 20/4/2017, tại phiên đối thoại ngày 13/4/2017, đại diện họ tộc họ Tạ là bà Tạ Long V và người đại diện theo ủy quyền của bà V là ông Nguyễn Phú Kh trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp nằm trong phần đất VQHH, là cơ sở thờ tự của gia tộc họ Tạ, có diện tích 2.171,6 m², đã được Ty điền địa SD cấp Chứng chỉ trạng thái bất động sản vào ngày 26/01/1973, do ông Tạ Văn T đứng tên.

Ông Tạ Văn T (sinh năm 1896, chết năm 1955) có 03 người con là:

1. Bà Tạ Thị L1, sinh năm 1919, chết năm 1965, không có người thừa kế;
2. Bà Tạ Thị X1, sinh năm 1921, chết lúc còn nhỏ, không người thừa kế;
3. Ông Tạ Văn Tr, sinh năm 1925, chết năm 2010;

Sau khi ông Tạ Văn T, đến ngày 18/10/1958 thì bà Lê Thị Kh1 là vợ của ông Tạ Văn T lập tờ ủy quyền giao cho con trai là ông Tạ Văn Tr và con dâu là bà Phạm Thị S1 toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan đến tài sản của gia đình.

Ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1 là người thừa kế hàng thứ nhất.

Ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1 có 07 người con, thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông Tạ Văn T và bà Phạm Thị S1, có tên như sau:

1. Bà Tạ Nguyệt L2, sinh năm 1943 (chết năm 1997);
2. Bà Tạ Nhựt Th1, sinh năm 1947 (chết năm 1995);
3. Ông Tạ Quang Ph, sinh năm 1952;
4. Ông Tạ Trung Ng, sinh năm 1955;
5. Bà Tạ Ánh Th2, sinh năm 1957 (chết năm 2009);
6. Bà Tạ Long V, sinh năm 1959;
7. Bà Tạ Xuân V1, sinh năm 1961;

Bà Tạ Nguyệt L2 chết vào ngày 22/12/1997, không có người thừa kế.

Bà Tạ Nhựt Th1, chết vào ngày 09/12/1995, có 06 người con thừa kế thế vị, thuộc hàng thừa kế thứ 3 của ông Tạ Văn T, có tên như sau:

1. Ông Phạm Tường L3, sinh năm 1970;

2. Bà Phạm Thị Thu Q, sinh năm 1974;
3. Bà Phạm Kim Ng1, sinh năm 1980;
4. Ông Phạm Quốc Th3, sinh năm 1976;
5. Ông Phạm Đình B, sinh năm 1983;
6. Ông Phạm Công B1, sinh năm 1987;

Bà Tạ Ánh Th2 chết vào ngày 29/7/2009, có 02 người con thừa kế thế vị, thuộc hàng thừa kế thứ ba của ông Tạ Văn T, có tên như sau:

1. Bà Lê Trúc Th4, sinh năm 1984;
2. Ông Lê Minh D, sinh năm 1987;

Từ các năm 1991, 1992, 1993 mẹ bà V là bà Phạm Thị S1 nhiều lần có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất khu vực Chùa ông (MQT) nhưng chưa được Ủy ban nhân dân thị trấn CTH xem xét giải quyết. Do phần đất có tranh chấp vì ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1 có cho một số hộ dân thuê mướn đất ở nên Ủy ban nhân dân thị trấn CTH chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1.

Do đã lớn tuổi (70 tuổi) nên vào ngày 05/01/1995, ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1 đã ủy quyền cho vợ chồng ông Nguyễn Phú Kh và bà Tạ Long V đại diện, được quyền thay mặt ông Tr, bà S1 để tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan đến phần đất hương hỏa MQT, khiếu nại về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được giải quyết, được cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn CTH là ông Lê Phúc Đ xác nhận vào ngày 06/01/1995 là “bà Phạm Thị S1, ngụ tại ấp PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp hiện bà có phần đất tọa lạc tại Khu 3, Tổ 6, ấp PH (khu vực Chùa ông) có tổng diện tích là 3.356m² đất thổ cư, phần đất này đang tranh chấp vì có rất nhiều hộ đang ở chưa thỏa thuận xong nên Tổ địa chính chưa xét cấp giấy chứng nhận là đúng”.

Vì vậy, ông Nguyễn Phú Kh có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT định giá đất để các hộ thống nhất việc thỏa thuận trả tiền thành quả lao động trị giá đất thuê ở, để các bên cùng được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất.

Ngày 06/9/1996, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 184/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Phú Kh, quyết định bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Phú Kh về việc đòi bồi thường thành quả lao động đối với 21 hộ đang sử dụng đất tại Khu 2, ấp PH, thị trấn CTH, huyện CT,

tỉnh Đồng Tháp, lý do: Khiếu nại của ông không nằm trong chủ trương giải quyết của Nhà nước.

Không thống nhất với quyết định trên, ông Kh tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu được giải quyết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất MQT. Ngày 25/3/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 201/QĐ-UB-NĐ về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Phú Kh với 21 hộ dân cùng cư ngụ ấp PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định chuẩn y Quyết định số 184/QĐ-UB ngày 06/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện CT, giữ nguyên hiện trạng cho 21 hộ dân tiếp tục sử dụng.

Quyết định số 201/QĐ-UB-NĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp được ban hành từ ngày 25/3/1999 nhưng đến năm 2005 Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện CT không gửi tới cho ông Nguyễn Phú Kh là người trực tiếp khiếu nại, không gửi cho cha mẹ bà, gia đình bà là người đang giữ quyền quản lý và nghĩa vụ thừa kế tài sản cơ sở thờ tự của gia tộc họ Tạ và phần đất gắn liền với cơ sở thờ tự nên gia đình bà không biết đề khiếu nại. Đến năm 2005, khi Nhà nước tiến hành bồi thường phần đất thu hồi để mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 80, cha bà là ông Tạ Văn Tr có đơn khiếu nại yêu cầu được bồi thường Quốc lộ 80 thì mới biết là 21 hộ dân thuê đất ở MQT đã được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời bà mới biết ông Phan Văn Th5 là người được cha bà cho ở trong MQT để phụng tự ông Quan Đế tự ý xin gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam để chiếm đoạt cơ sở thờ tự của gia tộc họ Tạ, ông Nguyễn Phú Kh tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp khiếu nại Quyết định số 201/QĐ-UB-NĐ ngày 25/3/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22/6/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ, nội dung quyết định bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Phú Kh công nhận MQT (Chùa ông) thuộc quyền sử dụng của Cộng đồng dân cư.

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân huyện CT đã ban hành nhiều quyết định cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân thuê đất trên phần đất của MQT, trong đó có các hộ: Bà NLQ1, ông NLQ2, Ông NLQ4 và Bà NLQ5.

Không thống nhất với Quyết định giải quyết số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, vì chỉ từ việc ông Kh khiếu nại tranh chấp đòi thành quả lao động đối với phần đất có diện tích 1.246,9m² (trong tổng diện tích 3.274,1m²) cho 21 hộ dân thuê ở MQT, nay Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tước đoạt hết tài sản và quyền thừa kế hương hỏa hợp

pháp của gia tộc họ Tạ, ông Nguyễn Phú Kh có đơn khởi kiện quyết định hành chính đối với 02 Quyết định hành chính số 201/QĐ-UB-ND ngày 25/3/1999 và Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đến Tòa án.

Ngày 01/4/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 23/UBND-TCD gửi Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có nội dung: “Để vụ việc sớm được giải quyết, sau khi ông Nguyễn Phú Kh có văn bản rút lại đơn khởi kiện, Ủy ban nhân dân Tỉnh sẽ xem xét và giải quyết đúng quy định pháp luật”.

Ông Nguyễn Phú Kh đã có đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện.

Ngày 04/4/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử, quyết định tại Bản án số 01/2013/HC-ST về vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, đã quyết định đình chỉ xét xử Quyết định số 201/QĐ-UB-ND ngày 25/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 21 hộ dân ở khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Lý do: Ông Nguyễn Phú Kh là người được ông Tạ Văn Tr và bà Phạm Thị S1 ủy quyền vào ngày 05/01/1995 có nội dung là có trọn quyền thay mặt quyết định các vấn đề có liên quan đến phần đất hương hỏa. Như vậy, giấy ủy quyền này không có cho đất vợ chồng ông Kh nhưng trong đơn khiếu nại của ông Kh gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xin lại phần đất đã xây dựng MQT (Chùa HH). Trong thời điểm này người khiếu nại xin lại đất là ông Tr và bà S1 mới đúng, này ông Tr và bà S1 đã chết thì phải là những người hàng thừa kế của ông Tr, bà S1 mới có quyền khiếu nại chứ ông Nguyễn Phú Kh không có quyền khiếu nại xin lại đất.

Ngày 25/11/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND-NĐ về việc thu hồi Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc khiếu nại Quyết định số 201/QĐ-UB-ND ngày 25/3/1999.

Do phát hiện Ủy ban nhân dân huyện CT căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ NLQ3 vào năm 2008, bà NLQ1 vào năm 2009, bà NLQ5 vào năm 2009, ông NLQ2 vào năm 2009, bà Tạ Long V có đơn khiếu nại và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT thu hồi lại các giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của 04 hộ trên. Lý do, đây là phần đất hương hỏa của gia đình, sử dụng vào mục đích thờ cúng, tín ngưỡng, bà Phạm Thị S1 đã có đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất từ năm 1991, 1992, 1993 với đầy đủ hồ sơ pháp lý về chủ quyền nhưng chưa được xét cấp, vì vậy việc cấp quyền sử dụng đất cho 04 hộ trên là không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND-NĐ về việc bác đơn khiếu nại của bà Tạ Long V, bà Tạ Long V có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16/6/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ giải quyết giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-UBND-NĐ ngày 24/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT.

Xét thấy việc giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT tại Quyết định số 45/QĐ-UBND-NĐ ngày 24/12/2015 và việc giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 là không đúng quy định pháp luật, lý do như sau:

1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ4, bà NLQ5 vào năm 2008, 2009 là căn cứ vào Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nay Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã bị thu hồi bởi Quyết định số 245/QĐ-UBND-NĐ ngày 25/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, vì vậy Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã không còn hiệu lực pháp luật.

2. Việc cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 23/UBND-TCD ngày 01/4/2013 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đến nay đã hơn 43 tháng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hiện, có gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, của gia tộc Họ Tạ và bà con tín ngưỡng MQT.

Bà Tạ Long V (đại diện họ tộc họ Tạ) yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT và Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ1, số phát hành AN 817293, sổ vào sổ: H 00293, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/7/2009, có diện tích đất 84,6m², thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 20.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ2 và bà NLQ3, có số phát hành AP 660759, vào sổ số: H-01781 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 09/6/2009, phần đất có diện tích 18,4m², loại đất ODT, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 20.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ4, có số phát hành là BD 522958, vào sổ số CH 00437, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 03/4/2008, sổ thửa 31, tờ bản đồ số 20, diện tích 19m².

- Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ5, số phát hành AN 817214, vào sổ số H00214, diện tích là 83,3m², thửa số 70, tờ bản đồ số 20, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/7/2009.

Tại văn bản ý kiến ngày 09/10/2017 và ngày 26/5/2017 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện CT, do người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Th– Chủ tịch, người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Nghiệp – Phó Chủ tịch, trình bày:

Phần đất bà Tạ Long V đang khởi kiện thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 3, trước đây là của ông Tạ Văn H. Vào năm 1902, ông Tạ Văn H (là ông nội ông Tạ Văn Tr) xây dựng ngôi miếu thờ ông Quan Đế Thánh Quân.

Trước năm 1954 ông Tạ Văn H có cho 09 hộ cất nhà ở xung quanh khu vực MQT. Sau năm 1954 có 12 hộ đến cất nhà ở, các hộ này hằng năm đều đóng tiền cho ông H, sau khi ông H chết để lại cho con là ông Tạ Văn T, khi ông Tấu chết để lại cho con là ông Tạ Văn Tr cùng vợ là bà Phạm Thị S1 thừa hưởng.

Năm 1995 ông Tr và bà S1 ủy quyền cho con gái là bà V, con rể là ông Kh khiếu nại đòi lại đất của 21 hộ dân đã cất nhà trước đây mà ông H cho ở. Ngày 06/9/1996, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 184/QĐ-UB bác đơn khiếu nại của ông Kh, ông Kh khiếu nại về tỉnh. Ngày 25/3/1999, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 201/QĐ-UB-NĐ chuẩn y Quyết định 14, giữ y hiện trạng cho 21 hộ sử dụng. Năm 2007, ông Kh làm đơn xin lại phần đất và MQT để họ Tạ quản lý sử dụng. Ngày 22/6/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 204/QĐ-UB-NĐ, công nhận MQT thuộc Cộng đồng dân cư.

Năm 2013, ông Nguyễn Phú Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 184 và Quyết định 201. Ngày 04/4/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Bản án số 01/2013/HC-ST đình chỉ các yêu cầu của ông Kh, do rút đơn khởi kiện.

Ngày 25/11/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định 245/QĐ-UBND-NĐ về việc thu hồi Quyết định 204, lý do giải quyết khiếu nại chưa đúng đối tượng.

* Về cấp quyền sử dụng đất cho các hộ:

- Ông NLQ4: Phần đất ông NLQ4 sử dụng trước đây là của bà Phan Thị Ch (phần này là con nhánh thuộc rạch XC giáp QL). Trước năm 1975, ông Nguyễn Văn Đ1 cất nhà trên con rạch, sau đó ông Đ1 dỡ nhà đi nơi khác. Năm 1981, ông Nguyễn Văn N (cha anh NLQ4) đến cất nhà ở. Năm 1983, ông N sửa lại nhà ở và lấn rộng ra, bà Phan Thị Ch khiếu nại qua hòa giải bà Ch thống nhất cho ông N sử dụng luôn phần lấn thêm, ông N trả cho bà Ch 2.000 đồng. Năm 2007, thực hiện dự án nâng cấp QL 80 bà Ch khiếu nại đòi lại đất. Ngày 03/4/2008, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 569/QĐ-UBND bác đơn của bà Ch. Năm 2010, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi ông N chết để lại thừa kế cho anh NLQ4 và anh NLQ4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/01/2011, diện tích là 19m² đất ở đô thị, thửa 31, tờ bản đồ số 20, hiện có căn nhà kiên cố trên đất.

- Hộ bà NLQ1: Nguồn gốc đất là của ông Tạ Văn Tr hiến cho chính quyền xã PH vào năm 1977, sau đó Ủy ban nhân dân huyện CT giao cho Công ty vật tư làm kho chứa hàng hóa. Năm 1990, Công ty vật tư (do ông Mai Văn V2 đại diện Công ty) chuyển nhượng cho bà NLQ1 sử dụng. Ngày 27/11/2001, bà NLQ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 27/7/2009 bà NLQ1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định với diện tích là 84,6m², thửa 68 tờ bản đồ số 20 (gồm đất ODT 74m² và đất cây lâu năm 10,6m²), hiện có căn nhà kiên cố.

- Hộ bà NLQ5: Nguồn gốc đất của ông Tạ Văn Tr cho bà Tạ Thị X cất nhà ở. Năm 1962, bà X bán căn nhà cho bà Nguyễn Thị X3 (mẹ bà NLQ5). Ngày 10/3/1992, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 387 hộ ở thị trấn CTH, trong đó có hộ bà NLQ5. Ngày 10/02/2004, bà NLQ5 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (cấp đổi). Năm 2009, bà NLQ5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 83,3m² thửa 70 tờ bản đồ số 20 (đất ODT 77m² và đất cây lâu năm 6,3m²) hiện có nhà kiên cố trên đất.

- Ông NLQ2 và bà NLQ3: Nguồn gốc đất là của ông Tạ Văn Tr cho ông Lê Văn B1 ở đầu trước năm 1975. Năm 2009, ông B1 chuyển nhượng cho ông NLQ2 và ông NLQ2 có nhà kiên cố cho đến nay. Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ2 diện tích 18m² thửa 2877, tờ bản đồ số 03 (đổi ứng lưới tọa độ thửa 51, tờ 20).

Năm 2015, bà Tạ Long V làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên là không đúng đối tượng. Ngày 24/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 45/QĐ-UB bác khiếu nại của bà V. Ngày 16/6/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ chuẩn y Quyết định số 45.

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên là đúng quy định nên không đồng ý hủy quyết định và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại văn bản ý kiến ngày 10/01/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà NLQ1: Nguồn gốc đất của Công ty Vật tư CT quản lý sử dụng từ năm 1977 đến năm 1990, Công ty không còn sử dụng nên bà NLQ1 đến cất nhà ở. Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà NLQ1 diện tích 84,6m² và cấp đổi lại giấy vào năm 2009, diện tích 84,6m².

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà NLQ5: Nguồn gốc đất của bà Tạ Thị X1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị X2 (mẹ của bà NLQ5) trước năm 1975. Năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà NLQ5 diện tích 77m² và cấp đổi lại giấy vào năm 2009, diện tích 83,3m².

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ2 và bà NLQ3:

Nguồn gốc đất của ông Lê Văn B1 sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 đến năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn B1 diện tích 18m². Ngày 28/4/2009, ông Lê Văn B1 xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông NLQ2 nên ông NLQ2 được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 18m².

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ4:

Nguồn gốc đất là con Rạch XC, năm 1981, ông Nguyễn Văn N đến cất nhà ở. Ngày 05/02/2010, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 201/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N diện tích là 19m². Năm 2010, ông Nguyễn Văn N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông NLQ4. Ông NLQ4 được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 diện tích là 19m².

Do đó bà Tạ Long V khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ: Bà NLQ1, bà NLQ5, ông NLQ2 và ông NLQ4 là không có cơ sở. Nên ngày 04/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện CT đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của bà Tạ Long V. Bà V không thống nhất, tiếp tục khiếu nại.

Ngày 16/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ, giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT, bác đơn khiếu nại của bà Tạ Long V.

Bà Tạ Long V tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh là không phù hợp vì:

Khiếu nại của bà Tạ Long V không có căn cứ pháp luật để xem xét giải quyết, do các hộ đã quản lý sử dụng đất ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ bà NLQ1, bà NLQ5, ông NLQ2 và ông NLQ4 là đúng quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở trên, yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại tờ trình ngày 21/10/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày:

- Thứ nhất là: Diện tích nhà đất hiện tại là bà mua của Nhà nước, có biên bản mua bán tài sản cố định rõ ràng, bên mua bán ký tên đầy đủ, có xác nhận số 78/UB ngày 28/6/1990 của Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp. Hàng năm bà đều nộp thuế đất cho Nhà nước đúng quy định pháp luật của người công dân.

- Thứ nhì là: Sau khi mua nhà đất xong gia đình dọn về ở vào năm 1990 và Nhà nước cấp quyền sử dụng đất vào ngày 27/7/2009, nên việc thu hồi giấy phép

quyền sử dụng đất của bà là không có cơ sở, nguyên do là nhà đất bà mua đúng pháp luật, không mượn, không thuê và không chiếm lấn của bên kiện.

- Thứ ba là: Bà cũng nhận được Bản án số: 01/2013/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” và văn bản này đến Phòng Tài nguyên Môi trường huyện CT vào ngày 04/8/2014 trong văn bản có nêu ở trang 11 phần Quyết định có nội dung:

+ Đình chỉ xét xử quyết định 201/QĐ-UBND ngày 25/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 21 hộ dân ở khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

- Thứ tư là: Bà có tờ hiến đất của các con Hội đồng Tổ do ông Tạ Văn Tr đứng tên hiến đất cho Nhà nước, được Chủ tịch xã xác nhận ngày 13/6/1977.

Tại phiên đối thoại ngày 26/3/2017, anh Võ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1 yêu cầu giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Tờ trình ngày 26/3/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 và bà NLQ3 trình bày:

Diện tích nhà ông sử dụng là do ông thỏa thuận với ông Lê Văn B1, thường trú xã An Khánh. Ông B1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng mà cơ quan có thẩm quyền cấp hợp pháp, vào năm 2009 ông và vợ là bà NLQ3 hợp đồng chuyển nhượng lại được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm định và Ủy ban nhân dân huyện cấp quyền sử dụng số AP 660759 ngày 09/6/2009 là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà V yêu cầu thu hồi quyền sử dụng của ông là không có cơ sở.

Tại phiên đối thoại ngày 13/4/2017, ông NLQ2 yêu cầu giữ nguyên quyền sử dụng đất.

Tại Tờ trình ngày 22/01/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ5 trình bày:

Đất này do mẹ bà là Nguyễn Thị X2 mua cách đây khoảng 60 năm. Sau này bà Xuân cho bà đứng tên quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2009 thửa đất số 70, tờ bản đồ số 20, diện tích 83.3m².

Tại phiên đối thoại ngày 13/4/2017, bà NLQ5 yêu cầu giữ nguyên quyền sử dụng đất.

Tại Tờ trình ngày 07/3/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông NLQ4 trình bày:

Trước đây nhà ông cất trên con rạch XC, mỗi năm ông đều có nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Ông có tờ cam kết của bà Phan Thị Ch tại Ban thanh tra huyện ngày 25/01/1983 và có giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện cấp, ông không đồng ý những việc bà V kiện.

Tại phiên đối thoại ngày 13/4/2017, ông NLQ4 yêu cầu giữ nguyên quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2017/HC-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 33, khoản 1 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 18, 21 Luật khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ;

Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7, 11, 18 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 346/1998/TT-TCTD ngày 16/4/1998 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bác đơn khởi kiện của bà Tạ Long V (đại diện họ tộc họ Tạ) và bà Tạ Long V (ủy quyền cho ông Nguyễn Phú Kh) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT; Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ1, số phát hành AN 817293, số vào sổ H 00293, diện tích 84,6m², thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/9/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ2 và bà NLQ3, số phát hành AP 660759, số vào sổ H 01781, diện tích 18,4m², thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 09/6/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ4, số phát hành là BD 522958, số vào sổ CH 00437, số thửa 31, tờ bản đồ số 20, diện tích 19m² do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 03/4/2008; Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ5, số phát hành AN 817214, số vào sổ H 00214, diện tích là 83,3m², thửa số 70, tờ bản đồ số 20, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/7/2009.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2017, người bị kiện bà Tạ Long V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng: Hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT và Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà NLQ1, ông NLQ2, bà NLQ5, ông NLQ4, tọa lạc tại khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, trong phần đất cơ sở thờ tự, tín ngưỡng, thuộc quyền hương hỏa của gia tộc họ Tạ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện bà Tạ Long V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên những ý kiến, quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Tạ Long V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện bà Tạ Long V là không có cơ sở vì: Trước đây họ Tạ có tranh chấp đất với 21 hộ dân nhưng trong đó không có hộ bà NLQ1, hộ ông NLQ2 và bà NLQ3, hộ ông NLQ4 và hộ bà NLQ5. Bốn hộ trên đều có quá trình sử dụng đất lâu dài, ổn định, không có tranh chấp từ trước năm 1993, có hộ sử dụng sau năm 1993 nhưng là do mua lại của những người trước đó. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ là đúng theo quy định pháp luật về đất đai. Khiếu nại của bà Tạ Long V được những người bị kiện giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự và có căn cứ theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Tạ Long V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của của người khởi kiện bà Tạ Long V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

- Về tố tụng:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[2] Xét việc Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như sau:

[2.1] Đối với GCNQSDĐ số phát hành AN 817293, số vào sổ H 00293, cấp ngày 27/7/2009 cho hộ NLQ1:

Đối với phần đất của bà NLQ1 có diện tích 84,6m², hiện tại bà NLQ1 đã xây dựng nhà kiên cố là phần đất do ông Cả X cất nhà ở, sau đó ông X bán nhà cho Nhà nước làm cơ quan nên ông Tạ Văn Tr hiến phần đất nền nhà cho Nhà nước với chiều ngang 4,6m, dài 16,5 m (được thể hiện bằng đơn hiến đất ngày 13/5/1977) người nhận là Trạm vật tư CT. Sau đó Công ty cung ứng vật tư huyện CT không sử dụng nữa nên bán lại cho bà NLQ1 (thể hiện bằng Biên bản nhận bán tài sản cố định ngày 28/6/1990). Bà V cho rằng: nhà là của ông Tr sử dụng làm nhà Trù của MQT và cho ông Cả X ở nhờ, sau đó Công ty vật tư mượn của ông Tr làm nhà kho rồi giải thể bán lại cho bà NLQ1 năm 1990. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kh cho rằng lúc ông Cả X ở thì có sửa chữa nhà, rồi bà NLQ1 ở cũng dỡ nhà ra sửa chữa lại nhưng không có tranh chấp. Như vậy, phần đất này bên bà V không còn quản lý sử dụng mà bà NLQ1 là người sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1993 cho đến nay.

Căn cứ vào Biên bản nhận bán tài sản cố định ngày 28/6/1990 của Công ty cung ứng vật tư huyện CT cho bà NLQ1 (BL 428), Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất ngày 12/9/2001, biên bản họp Hội đồng, Tờ trình số 06/TT-UB cùng ngày của Ủy ban nhân dân thị trấn CTH cùng danh sách của 15 hộ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ nên Phòng Địa chính huyện CT có Tờ trình số 16/TTĐC ngày 16/10/2001 về việc phê duyệt cấp GCNQSDĐ đất gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT đề nghị cấp đất. Ngày 27/11/2001, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 853/2001/QĐ.UB cấp giấy CNQSD cho 15 hộ, trong đó có hộ bà NLQ1 được cấp 74m² đất T thửa 2712, tờ bản đồ số 3. Ngày 09/02/2004, bà

NLQ1 có đơn xin cấp đổi lại giấy CNQSDĐ, ngày 10/12/2003 Ủy ban nhân dân thị trấn CTH lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (BL 186) và hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Ngày 27/7/2009, bà NLQ1 được cấp GCNQSDĐ. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà NLQ1, Ủy ban nhân dân huyện CT đã thực hiện đúng quy định tại Phần 2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Đối với GCNQSDĐ số phát hành AP 660759, số vào sổ H 01781 cấp ngày 09/6/2009 cho ông NLQ2 và bà NLQ3:

Đối với phần đất của ông NLQ2 và bà NLQ3 có diện tích là 18m² có nguồn gốc của ông Tr. Theo bà V cho rằng là năm 1972 bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ông Lê Văn B1) mượn cất nhà ở, năm 1990 đã bỏ trống, ông B1 được cấp GCNQSDĐ năm 2002 nhưng không sử dụng, đến năm 2009 thì ông B1 chuyển nhượng lại cho ông NLQ2, bà NLQ3. Như vậy, đủ cơ sở xác định gia đình ông B1 và gia đình ông NLQ2 là người sử dụng lâu dài trên đất.

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất, Tờ trình cấp GCNQSDĐ, Thông báo niêm yết công Kh hồ sơ đăng ký đất, biên bản kết thúc công Kh kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thị trấn CTH cho 7 hộ dân trong đó có hộ ông Lê Văn B1 (BL số 143, 145, 146, 147, 148, 149, 150) Phòng địa chính huyện CT có tờ trình số 17/TT.NN-ĐC ngày 15/10/2002 gửi chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT đề nghị cấp đất. Ngày 01/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UB cấp giấy CNQSDĐ cho 7 hộ dân, ông B1 được cấp đất cùng ngày diện tích 21m² T, thửa 2877, tờ bản đồ số 3. Đính chính ngày 28/4/2009 là 18m². Việc cấp GCNQSDĐ của ông B1 là đúng trình tự theo Phần 2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy quyền sử dụng đất.

Ngày 28/4/2009, ông B1 lập hợp đồng chuyển nhượng phần đất trên cho ông NLQ2. Ngày 15/4/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện đã có biên bản đo đạc xác định ranh giới đất ông B1. Ngày 02/6/2009, Phòng tài nguyên Môi trường có tờ trình số 186/TTr-TTMT về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSDĐ của ông B1 và Tờ trình số 830/TTr.TNMT ngày 28/5/2009 về việc cấp GCNQSDĐ cho ông NLQ2 gửi Ủy ban nhân dân huyện. Ngày 09/6/2009, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 728/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ

của ông Lê Văn B1 và ông NLQ2 và bà NLQ3 được cấp GCNQSDĐ ngày 09/6/2009. Việc cấp GCNQSDĐ của ông NLQ2 và bà NLQ3 là đúng với quy định Điều 148 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.3] Đối với GCNQSDĐ số phát hành BD 522958, sổ vào sổ CH 00437 cấp ngày 03/4/2008 cho ông NLQ4:

Đối với phần đất của ông NLQ4 có diện tích là 19m² có nguồn gốc là của bà Phan Thị Ch1. Do vào năm 1983, ông Nguyễn Văn N (cha ông NLQ4) cất nhà lấn qua phần nương thuộc quyền sử dụng của bà Ch1, hai bên lập tờ cam kết thỏa thuận ngày 25/01/1983. Theo đó, ông N giao cho bà Ch1 2.000 đồng để được sử dụng phần đất trong phạm vi ngang 4m, dài 8m. Năm 2008, ông N được bồi thường theo dự án nâng cấp mở rộng QL80 là 12,7m², bà Ch1 khiếu nại tranh chấp được giải quyết bằng Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT. Gia đình ông N sử dụng đất cho đến nay. Bà V không có gì chứng minh phần đất trên là của gia đình bà.

Căn cứ vào Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị Ch1 và ông Nguyễn Văn N, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông N ngày 13/7/2009, biên bản khảo sát hiện trạng sử dụng đất của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện ngày 01/2/2010, Trích lục bản đồ địa chính ngày 01/02/2010, Phòng Tài nguyên Môi Trường có Tờ trình số 2410/TTr-TNMT ngày 01/02/2010 trình Ủy ban nhân dân huyện CT cấp GCNQSDĐ cho ông N. Ngày 05/02/2010, Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND cấp GCNQSDĐ cho ông N. Ông N được cấp GCNQSDĐ ngày 05/02/2010 diện tích là 19m². Việc cấp GCNQSDĐ của cho Võ Văn N là đúng quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Ngày 14/12/2010, ông N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh NLQ4. Ngày 20/01/2011, ông NLQ4 được cấp GCNQSDĐ. Việc cấp GCNQSDĐ của anh Nguyễn Thanh NLQ4 là đúng quy định tại Điều 152 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.4] Đối với GCNQSD số phát hành AN 817214, sổ vào sổ H 00214 cấp ngày 27/7/2009 cho hộ Bà NLQ5:

Đối với phần đất của hộ bà NLQ5 có diện tích 83,3m² có nguồn gốc là căn nhà phố của cụ Nguyễn Thị X2 (mẹ bà NLQ5) sang nhượng của người khác từ trước năm 1975 cho đến nay giao lại cho bà NLQ5.

Căn cứ vào Biên bản xét cấp GCNQSDĐ ngày 02/6/1991, danh sách 798 hộ gia đình cá nhân được cấp giấy, tờ trình ngày 04/6/1991 của Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân thị trấn CTH nên Phòng Nông nghiệp Thủy lợi huyện CT có tờ trình ngày 19/2/1992 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cấp GCNQSD cho các hộ gia đình và cá nhân trên. Ngày 10/3/1992, Ủy ban nhân dân huyện CT ra Quyết định số 27/QĐ.UB cấp GCNQSDĐ cho các hộ trên, trong đó có hộ bà NLQ5 được cấp vào ngày 10/3/1992, diện tích 77m² T, thửa 442, tờ bản đồ số 3. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà NLQ5 là đúng quy định tại Quyết định 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/10/2004 của Tổng cục quản lý ruộng đất ban hành Quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/3/2008 bà NLQ5 làm đơn xin đăng ký cấp đổi quyền sử dụng đất, ngày 27/7/2009 bà NLQ5 được cấp lại quyền sử dụng đất diện tích là 83m², thửa 70, tờ bản đồ số 20 là đúng quy định tại Điều 144 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Đồng thời, qua xem xét danh sách 21 hộ dân được liệt kê theo Quyết định số 201/QĐ.UB-NĐ ngày 25/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì không có các hộ bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ4 và bà NLQ5. Nên việc bà Tạ Long V khiếu nại cho rằng Ủy ban nhân dân huyện CT đã căn cứ vào Quyết định số 204/QĐ-UBND-NĐ ngày 22/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, khi quyết định này không còn hiệu lực pháp luật vì đã bị thu hồi bởi Quyết định số 245/QĐ-UBND-NĐ ngày 25/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, để cấp GCNQSDĐ cho các hộ bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ4 và bà NLQ5, là không có cơ sở.

[3] Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định các hộ bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ4 và bà NLQ5 đã có quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, nên Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ này là đúng quy định của pháp luật tại Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993, Điều 50 Luật Đất đai 2003. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 giải quyết khiếu nại lần hai, đều bác đơn khiếu nại của bà V V/v yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện CT thu hồi lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 04 hộ trên, là đúng thẩm quyền, trình tự, có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Từ phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của bà Tạ Long V (đại diện họ tộc họ Tạ) và bà Tạ Long V (ủy quyền cho ông Nguyễn Phú Kh) là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến quan đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và ý kiến quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Tạ Long V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Bà Tạ Long V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Bác kháng cáo của bà Tạ Long V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 15/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 30, Điều 33, khoản 1 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 18, 21 Luật khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ,

Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7, 11, 18 của Thông tư số: 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/4/1998 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Điều 34 của Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bác đơn khởi kiện của bà Tạ Long V (đại diện họ tộc họ Tạ) và bà Tạ Long V (ủy quyền cho ông Nguyễn Phú Kh) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT; Quyết định số 208/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ1, số phát

hành AN 817293, số vào sổ H 00293, diện tích 84,6m², thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/9/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ2 và bà NLQ3, số phát hành AP 660759, số vào sổ H 01781, diện tích 18,4m², thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 09/6/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ4, số phát hành là BD 522958, số vào sổ CH 00437, số thửa 31, tờ bản đồ số 20, diện tích 19m² do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 03/4/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà NLQ5, số phát hành AN 817214, số vào sổ H 00214, diện tích là 83,3m², thửa số 70, tờ bản đồ số 20, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 27/7/2009.

+ Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Tạ Long V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06543 ngày 29/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; bà V đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Tạ Long V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 17333 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; bà V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 5 năm 2018.

Nơi nhận:

- * Tòa án nhân dân tối cao;
- * Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tạ TP. Hồ Chí Minh;
- * TAND tỉnh Đồng Tháp;
- * VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- * Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- * ND (1);
- * BD (9);
- * NLQ (1);
- * Lưu (3).19b.(Án 18)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh